

Số: 44 /2025/QĐ-CTUBND

Gia Lai, ngày 20 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Kết luận số 100-KL/ĐU ngày 17/11/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Hội nghị lần thứ 10 về nội dung kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số: 421/TTr-STC ngày 29/10/2025, 501/TTr-STC ngày 20/11/2025 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 272/BC-STP ngày 24/10/2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, gồm:

- Giao tài sản bằng hiện vật theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.
- Khai thác tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 14, điểm b khoản 6 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.
- Thu hồi tài sản công theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

4. Điều chuyển tài sản công theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

5. Bán tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15).

6. Thanh lý tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

7. Tiêu hủy tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

8. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

9. Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

10. Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

11. Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH GIA LAI

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ xe ô tô) cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công theo quy định tại điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 14 và điểm d, điểm

đ, điểm g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công theo quy định tại điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 14 và điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công (trừ xe ô tô) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; điều chuyển tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; điều chuyển tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), gồm:

a) Tài sản công hết hạn sử dụng (hết thời gian sử dụng để tính hao mòn tài sản theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc hết niên hạn, tần suất sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan) mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có nhu cầu thanh lý (trừ xe ô tô, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản).

b) Nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (trừ tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), gồm:

a) Tài sản công hết hạn sử dụng (hết thời gian sử dụng để tính hao mòn tài sản theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc hết niên hạn, tần suất sử dụng theo quy định của pháp luật) mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có nhu cầu thanh lý (trừ xe ô tô, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản).

b) Nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (trừ tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản).

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản cố định (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản cố định (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự

nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Đối với Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh

a) Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh.

2. Đối với Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết

a) Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước (trừ trụ

sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) đối với dự án do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là chủ dự án hoặc chủ đầu tư dự án.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) đối với dự án do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là chủ dự án hoặc chủ đầu tư dự án.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì phổ biến, triển khai Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo theo Quyết định này và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01** tháng 12 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 15;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T4.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh